SAO Y
ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN
Thời gian ký: 06/06/2022 16:32:04 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 1541 /QĐ-UBND	*Nghệ An, ngày 06 tháng 6 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Bộ tiêu chí thôn, xóm, bản đạt chuẩn nông thôn mới; Vườn đạt chuẩn nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Nghệ An giai đoạn 2022-2025

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025; số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025; số 319/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 về việc quy định xã nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2021-2025; số 320/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 về ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới; quy định thị xã, thành phố trực thuộc cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Điều phối Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh - Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 86/TTr-VPĐP ngày 27/5/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Bộ tiêu chí thôn, xóm, bản đạt chuẩn nông thôn mới; Vườn đạt chuẩn nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Nghệ An giai đoạn 2022-2025.

Điều 2. Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ban ngành cấp tỉnh căn cứ chức năng nhiệm vụ hướng dẫn chi tiết để các địa phương tổ chức thực hiện.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở; Thủ tưởng các Ban, ngành, tổ chức chính trị - xã hội; Chánh Văn phòng Điều phối Chương trình

MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Bộ NN và PTNT (để b/c);
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh (để b/c);
- Chủ tịch, PCT NN UBND tỉnh;
- CVP, PVPTC UBND tỉnh;
- Lưu: UB, NN (M).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Hoàng Nghĩa Hiếu

Phụ lục số I. BỘ TIÊU CHÍ THÔN, XÓM, BẢN NÔNG THÔN MỚI

(kèm theo Quyết định số 1541 /QĐ-UBND ngày 06/6./2022 của UBND tỉnh Nghệ An)

TT	Tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu thôn, xóm, bản trên địa bàn thuộc các xã khu vực III và xã biên giới
1	Giao thông	1.1 Tỷ lệ km đường thôn, bản và đường liên thôn, bản ít nhất được cứng hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm	≥ 80%
		1.2. Tỷ lệ đường ngõ, xóm sạch và đảm bảo đi lại thuận tiện quanh năm	100% (Trong đó tỷ lệ cứng hóa đạt ≥60%)
		1.3. Tỷ lệ km đường trục chính nội đồng đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm	≥ 60% (Trong đó mặt đường rộng ≥ 3m được cứng hóa đạt ≥50%)
2	Thủy lợi và phòng, chống thiên tai	2.1. Đảm bảo đủ điều kiện đáp ứng yêu cầu dân sinh và theo quy định về phòng chống thiên tai 4 tại chỗ	Đạt
		2.2. Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động.	≥ 80%
3	Điện	3.1. Hệ thống điện đạt chuẩn	Đạt
		3.2. Tỷ lệ hộ có đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn	≥ 95%
4	Nhà ở dân cư	4.1. Nhà tạm, dột nát	Không
		4.2.Tỷ lệ hộ có nhà đạt chuẩn theo tiêu chuẩn của Bộ Xây dựng (đảm bảo "3 cứng": nền cứng, khung cứng, mái cứng; Diện tích nhà đạt từ 10m^2/người trở lên)	≥ 80%
		4.3. Đồ đạc trong nhà được sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp, khoa học	Đạt
		4.4. Có hàng rào bao quanh đảm bảo mỹ quan (ưu tiên hàng rào bằng cây xanh)	Đạt
		4.5. Có vườn trồng rau sạch, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm (nếu có)	Đạt

TT	Tiêu chí	Nội dung tiêu chí		Chỉ tiêu thôn, xóm, bản trên địa bàn thuộc các xã khu vực III và xã biên giới
5	Thu nhập	Thu nhập bình quân đầu người trong thôn, xóm, bản (triệu đồng/người/năm)	Năm 2022	≥ 39
			Năm 2023	≥ 42
			Năm 2024	≥ 45
			Năm 2025	≥ 48
6	Nghèo đa chiều	Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều áp dụng theo chuẩn nghèo hàng năm của Bộ Lao động Thương binh và xã hội		≤ 10%
7	Lao động	7.1 Tỷ lệ lao động qua đào tạo (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)		≥ 70%
		7.2 Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ (áp dụng cho cả nam và nữ)		≥ 20%
8	Giáo dục và đào tạo	8.1. Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi; phổ cập giáo dục tiểu học; phổ cập giáo dục trung học cơ sở; xóa mù chữ đạt theo chỉ tiêu của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định đối với xã đạt chuẩn nông thôn mới		Đạt
		8.2. Tỷ lệ học sinh (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học trung học (phổ thông, giáo dục thường xuyên, trung cấp)		≥ 70%
9	Văn hóa và cơ sở vật chất văn hóa	9.1. Thôn, bản được công nhận và giữ danh hiệu " Khu dân cư văn hóa"; xây dựng sản phẩm du lịch cộng đồng, du lịch sinh thái đảm bảo phát triển bền vững (nếu có).		Đạt
		9.2. Tỷ lệ hộ gia đình đạt tiêu chuẩn "Gia đình văn hóa"		≥ 80%
		9.3. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội; không có hành vi truyền bá và hành nghề mê tín dị đoan		≥ 70%
		9.4. Tỷ lệ thôn, xóm, bản có nhà văn hóa hoặc nơi sinh hoạt văn hóa, thể thao phục vụ cộng đồng đạt chuẩn theo quy định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch		100%
10	Y tế	10.1. Tỷ lệ người dân tham gia BHYT (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)		≥ 90 %
		10.2. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi)		≤ 24%

TT	Tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu thôn, xóm, bản trên địa bàn thuộc các xã khu vực III và xã biên giới
10	Y tế	10.3. Có tối thiểu 01 nhân viên y tế thôn, xóm, bản được đào tạo theo khung chương trình do Bộ Y tế quy định; thường xuyên hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ được giao; Lồng ghép các hoạt động của nhân viên y tế thôn, xóm, bản với cộng tác viên của các chương trình y tế, hàng tháng có giao ban chuyên môn với TYT xã.	Đạt
		10.4. Tỷ lệ dân số có sổ khám bệnh điện tử	≥ 50%
11	Môi trường và an toàn thực phẩm	11.1. Tỷ lệ hộ gia đình được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn	≥ 20%
		11.2. Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường	≥ 90%
		11.3. Cảnh quan không gian xanh - sạch - đẹp, an toàn; không xảy ra tồn đọng nước thải sinh hoạt tại khu dân cư tập trung	Đạt
		11.4. Mai táng, hỏa táng phù hợp với quy định và theo quy hoạch	Đạt
		11.5. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn được thu gom, xử lý theo quy định	≥ 70%
		11.6. Tỷ lệ bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng và chất thải rắn y tế được thu gom, xử lý đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường	100%
		11.7. Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 "sạch" (sạch nhà, sạch bếp, sạch ngõ)	≥ 70%
		11.8. Tỷ lệ cơ sở chăn nuôi đảm bảo các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường	≥ 60%
		11.9. Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm	100%
		11.10. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại rác thải rắn tại nguồn	≥ 30%
		11.11. Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định	≥ 30%

TT	Tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu thôn, xóm, bản trên địa bàn thuộc các xã khu vực III và xã biên giới
12	Hệ thống tổ chức chính trị và và tuân thủ pháp luật, quy ước, hương ước	12.1. Thôn, bản phải có chi bộ; hàng năm chi bộ thôn, xóm, bản xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên	Đạt
		12.2. Thôn, bản và các tổ chức đoàn thể trong thôn, xóm, bản được xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên	Đạt
		12.3. Đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình; phòng chống bạo lực trên cơ sở giới; phòng chống xâm hại trẻ em; bảo vệ và hỗ trợ trẻ em có hoàn cảnh đặt biệt trên địa bàn (nếu có); bảo vệ và hỗ trợ những người dễ tổn thương trong gia đình và đời sống xã hội	Đạt
		12.4. Tỷ lệ người dân được phổ biến, chấp hành và thực hiện tốt chủ trương đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước và Hương ước của thôn, xóm, bản, không bị phê bình, cảnh cáo trở lên (bằng văn bản); tham gia cuộc vận động xây dựng Nông thôn mới.	100%
		12.5. Thực hiện đầy đủ, đúng thời gian các nghĩa vụ đóng góp theo quy định của pháp luật; các khoản đã thống nhất trong cộng đồng dân cư thôn, xóm, bản	Đạt
13	An ninh trật tự xã hội	Thôn, bản đạt tiêu chuẩn an toàn về an ninh trật tự: Không có hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia; không có khiếu kiện đông người kéo dài trái pháp luật; không có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội đặc biệt nghiêm trọng hoặc phạm các tội về xâm hại trẻ em; tội phạm và tệ nạn xã hội (ma túy, trộm cắp, cờ bạc,...) và tại nạn giao thông, cháy, nổ được kiềm chế, giảm so với năm trước; có một trong các mô hình (phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội; đảm bảo trật tự, an toàn giao thông; phóng cháy, chữa cháy) gắn với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hoạt động thường xuyên, hiệu quả	Đạt

Phụ lục số II. BỘ TIÊU CHÍ VƯỜN CHUẨN NÔNG THÔN MỚI

(kèm theo Quyết định số 1541 /QĐ-UBND ngày 06/6/2022 của UBND tỉnh Nghệ An)

TT	Tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu
1	Quy hoạch và thực hiện quy hoạch	1.1. Có bản vẽ hoặc sơ đồ quy hoạch - thiết kê vườn hộ được UBND xã thẩm định và chấp thuận.	Đạt
		1.2. Thực hiện đúng bản vẽ quy hoạch - thiết kế được UBND xã thẩm định và chấp thuận.	Đạt
2	Ứng dụng khoa học kỹ thuật và liên kết sản xuất	2.1. Có hệ thống tưới, tiêu khoa học và ít nhất có áp dụng một trong các ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ tiên tiến khác vào sản xuất, thu hoạch, bảo quản và chế biến.	Đạt
		2.2. Có liên kết sản xuất với các hộ gia đình trong thôn/xóm, xã	Đạt
3	Sản phẩm từ vườn	3.1. Sản phẩm là hoa, cây cảnh và các sản phẩm nông nghiệp hàng hoá có giá trị	Đạt
		3.2. Có 100% sản phẩm đủ điều kiện VSATTP khi cung cấp ra thị trường. Thực hiện truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực từ vườn	Đạt
		3.3. Giá trị sản phẩm hoa, cây cảnh, nhóm sản phẩm nông nghiệp hàng hoá chủ lực của xã chiếm tỷ lệ tối thiểu 75% tổng giá trị sản phẩm từ vườn	Đạt
4	Môi trường - Cảnh quan	4.1. Tỷ lệ hàng rào xanh *(tối thiểu hàng rào phía trước)*. Nếu đã được đầu tư kiên cố bằng tường xây hoặc hàng rào sắt, gỗ vẫn đảm bảo mỹ quan thì dữ nguyên thiết kế trồng cây xanh hợp lý đảm bảo mỹ quan	≥80
		4.2 Tỷ lệ cây xanh trong diện tích đất ở của hộ gia đình.	≥20
		4.3. Cảnh quan, không gian xanh - sạch - đẹp, an toàn; không để xảy ra tồn đọng nước thải sinh hoạt tại các khu dân cư	Đạt
		4.4. Đối với hộ có chuồng trại chăn nuôi thì phải đảm bảo đúng quy cách kỹ thuật, đảm bảo vệ sinh môi trường *(có sử dụng bể biogas hoặc chế phâm sinh học; đảm bảo vệ sinh môi trường,...)*	Đạt
		4.5. Có hệ thống mương thoát nước thải đảm bảo vệ sinh, không ô nhiễm môi trường;	Đạt
		4.6. Rác thải được hộ gia đình thu gom, phân loại. trước khi đưa ra khỏi vườn đi xử lý	Đạt
5	Thu nhập	5.1. Thu nhập trên cùng một đơn vị diện tích đối với cây trồng trong vườn so với thu nhập từ trồng lúa trong xã	≥5 lần
		5.2. Tổng thu nhập tối thiêu tư kinh tê vườn trong một năm *(bao gồm tất cả các sản phẩm từ: Trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản,...)*	
		a) Đối với vườn có diện tích từ 300m^2 đến < 1.000m^2	≥30 triệu/năm
		b) Đối với vườn có diện tích từ 1.000m^2 đến 2.000m^2	≥40 triệu/năm
		c) Đối với vườn có diện tích từ 2.000m^2 đến 3.000m^2	≥80 triệu/năm
		d) Đối với vườn có diện tích > 3.000m^2	≥100 triệu/năm